CHUYÊN ĐỀ 1:

LÍ THUYẾT TIẾNG ANH – TOPIC – HÒA HỢP GIỮA CHỦ NGỮ VÀ ĐỘNG TỪ – SUBJECT AND VERB AGREEMENT

Subject and verb Agreement

Có nhiều nguyên tắc hòa hợp trong điểm ngữ pháp này, tuy nhiên chúng tôi chỉ chọn lựa một số nguyên tắc cơ bản và phổ biến nhất để các em học sinh dễ nắm bắt và vận dụng.

A. Nguyên tắc chung:

Chủ ngữ (S)	**Động từ (V)**
He, she, it và các danh từ số ít	Động từ số ít
You, we, they và các danh từ số nhiều	Động từ số nhiều

- Hình thức của động từ số ít: is/was/has/động từ có s hoặc es.
- Hình thức của động từ số nhiều: are/were/have/động từ có hình thức giống như nguyên mẫu.

B. Một số nguyên tắc hoà hợp cơ bản:

1. Chủ ngữ gồm hai hoặc nhiều phần nối với nhau bằng **and** → V số nhiều

Eg: My brother and sister live in Boston.

2. Chủ ngữ gồm 2 phần nối với nhau bằng **or**, **either… or, neither… nor, not only…but also → V** hòa hợp với chủ ngữ gần nó nhất.

Eg: Either Thursday or Friday is ok.

3. Chủ ngữ có thêm phần **as well as, with, together with, along with, except, but, including, as well as, more than, rather than → V** vẫn chỉ hòa hợp với phần **S đầu tiên**.

Eg: George, together with his friends, is buying a race horse.

4. Danh từ là cụm từ **chỉ thời gian, giá cả , cự ly**, **sự đo lường**, (được xem như là một tổng thể) → V là số ít.

Eg: Thirty pounds seems a reasonable price.

5. Nếu có 1 cụm từ hay mệnh đề theo sau một danh từ làm chủ ngữ → V chỉ hòa hợp với danh từ đầu tiên.

Eg: The house between the two bungalows is empty.

The house they used to live in is now empty.

6. Khi Subject & Verb cách nhau bởi 1 cụm giới từ → V chia theo Subject đứng trước cụm giới từ đó.

Eg: The picture of the soldiers(bring/ brings) brings back many memories.

Opening my presents was exciting.

7. Every , one of, each of, one of + danh từ số nhiều → V số ít.

Eg: One of these letters is for you.

8. A (large) number of, the majority of, a lot of, some of + danh từ số nhiều → V số nhiều.

Eg: The majority of people have complained.

* **The number of** + danh từ số nhiều → V số ít

9. Each, every + danh từ số ít → V số ít Eg: Each book and magazin is listed in the card catolog

10. None of, neither of, either of + danh từ số nhiều → V số ít.

Eg: None of the students has failed the test

* Có thể dùng V số nhiều nhưng không trang trọng (informal English)

11. Đại từ bất định như **Something, everything, nothing…** → V số ít

LIVEWORKSHEETS

Eg: Someone was waiting at the door

12. Danh từ không đếm được → V số ít. Eg: This water is not safe enough to drink.

13. Một số danh từ có hình thức số nhiều nhưng mang nghĩa số ít → V số ít.

Eg: Mathematics is one of my core subjects

14. There is/was + danh từ số ít.

There are/were + danh từ số nhiều.

Eg: There are twenty five students in my class

There was an accident last night.

15. Một số danh từ có hình thức số ít nhưng mang nghĩa số nhiều → V số nhiều.

Eg: The police are investigating the crime.

16. The + tính từ làm chủ ngữ → V số nhiều. Eg: The sick are well cared in the hospital

17. Subject là **to infinitive, V-ing, Clause(S+ V..) → Động từ (V) số ít**

Ex: To work hard (is/are).....is.....necessary.

18. percent, fraction, part, majority, some, all, none + of phrase → V chia theo danh từ sau giới từ

Ex: Fifty percent of the pies (has/ have).....disappeared.

One- third of the city (is/ are).....unemployed.

19. Khi một số danh từ chỉ một tập hợp như là: family, team, group, class, audience, government làm chủ ngữ:

- Nếu nhìn nhận như một chỉnh thể → V số ít

- Nếu nhấn mạnh ở sự tập hợp của các thành viên → V số nhiều

Ex: a/ My family (are/ is).....going to have a long journey.

b/ My family (are/ is).....fond of music.

20. Danh từ chỉ một tập hợp: people, police, cattle làm chủ ngữ → V số nhiều

Ex: The police (are/ is).....searching for him.

Exercise 1: Circle the best answer.

1. One of _____ a goldfish bowl on her kitchen table.
   a. my friend keep
   b. my friends keep
   c. my friend keeps
   d. my friends keeps
2. Every _____ love.
   a. man, woman and child needs
   b. men, women and children needs
   c. man, woman and child need
   d. men, women and children need
3. One of the girls who _____ in this office _____ my niece
   a. works / is b. works / are c. work / is d. work / are
4. Neither Lan nor her parents _____ the film.
   a. like b. likes c. is like d. are like
5. Each _____ the same as the day before.
   a. days was b. day was c. days were d. day were
6. More men than _____ left handed.
   a. woman are b. woman is c. women are d. women is
7. Every one of the students _____ on time for class
   a. is b. are c. were d. have been
8. There _____ some money on the table.
   a. are b. were c. have been d. is
9. This information about taxes _____ helpful
   a. were b. have been c. is d. are

LIVEWORKSHEETS

10. The vegetables in the bowl on the table _____ fresh.
a. looks b. smells c. are d. is
11. Writing _____ her happy
a. letter makes b. letters makes c. letter make d. letters make
12. None of the money robbed from the banks last year _____ yet.
a. has been found b. have been found c. has found d. have found
13. My father and mother _____ for the same company.
a. works b. work c. is working d. has worked
14. The elderly _____ this kind of music, but the young _____.
a. don't like / does b. doesn't like / does c. don't like / do d. doesn't like / do

Exercise 2: Give the correct form of the verbs in brackets.

1. The news about Mr Hogan **(be)** _____surprising.
2. Fifty minutes **(be)**_____the maximum length of the time allowed for the exam.
3. Many people in the world **(not have)** _____enough food to eat.
4. The poor **(need)**_____ help from the community.
5. Listening to loud music at rock concerts **(cause)**_____ hearing loss in some teenagers these days.
6. There **(be)** _____a lot of sheep in the field.
7. Ten miles **(be)** _____ too far to walk.
8. Not only John but also his friends **(want)** _____ to buy this race horse.
9. A number of students **(recently participate)** _____ in intensive language programs abroad.
10. Sarah, along with 20 students, **(plan)** _____a party now.
11. The number of students who **(withdraw)** _____from class since the term began **(be)** _____quite high.
12. There (be) at least one window in every room.
13. A lot of students in my class **(speak)** _____ and **(undrstand)** _____ Spanish.
14. The trousers Lan's bought **(not, go)** _____ best with her shirt.
15. The information she gave me **(be not)** _____valuable.
16. The number of days in a week **(be)** _____seven.
17. Either you or he **(have)** _____to do the task.
18. Two years without a job **(be)** _____too long to be.
19. Every girl and boy **(be)** _____required to have certain immunizations before enrolling in public school.
20. Neither of John's parents **(be)**_____ English.

Exercise 3: Find the incorrect part A, B, C and D.

1. Each of the rooms have its own bathroom.
A B C D
2. Everybody who have a fever must go home immediately
A B C D
3. Twenty five dollars are all I can afford to pay for this recorder
A B C D

4. All of the windows in my house was broken in the earthquake.
A B C D

LIVEWORKSHEETS

5. The actress, along with her manager and some friends, are going to the party.
A B C D

6. Living expenses in this country are high.
A B C D

LIVEWORKSHEETS